

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ M
TỈNH H**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2020/HSST.

Ngày: 17/12/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Thế Dương.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Xuân Hùng.
2- Bà Lê Thị Tiến

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tân Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2020/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/HSST - QĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Triệu Văn Đ, Sinh năm 2000; tại: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B. Nơi cư trú: thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Nùng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Triệu Văn X – sinh năm 1974 và bà: Lục Thị B- sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo Triệu Văn Đ bị tạm giữ từ ngày 26/09/2020, tạm giam từ ngày 02/10/2020. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Hưng Yên. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Trợ giúp viên pháp lý:** Bà Vương Thị Thanh Nhân – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hưng Yên *(Vắng mặt – Bà Nhân đã gửi bài bào chữa cho bị cáo).*

*** Người bị hại:** Chị Trương Thị N, Sinh năm 2002 *(Vắng mặt).*
Địa chỉ: Xóm 5, xã Ngh, huyện Ngh, tỉnh Ngh

*** Người làm chứng:**

1- Anh Lê Hữu H, Sinh năm 1991 *(Vắng mặt).*
Địa chỉ: thôn Y, xã Ngh, huyện Y, tỉnh H.

2- Anh Hoàng Anh T, Sinh năm 1980 *(Vắng mặt).*
Chỗ ở: Tổ dân phố B, phường B, thị xã M, tỉnh H.

3- Anh Nguyễn Nguyên H, Sinh năm 1974 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

4- Chị Nguyễn Ngọc H, Sinh năm 1999 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường B, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

5- Chị Nguyễn Thị A (Ngọc), Sinh năm 1998 (*Vắng mặt*).
Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Kh, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 26/09/2020 Triệu Văn Đ và Lê Hữu Huy, sinh năm 1991 ở thôn Yên Thổ, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, Dương Mạnh Đức, sinh năm 1980 ở đường phố Hiến, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, Hoàng Anh Tuấn, sinh năm 1980 ở tổ dân phố Bàn, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến quán karaoke Huyền Anh thuộc tổ dân phố Văn Nhuế, phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào để hát karaoke.

Khi vào phòng hát, anh Huy yêu cầu anh Đặng Nguyên Hưng, sinh năm 1974 ở tổ dân phố Văn Nhuế, phường Bàn Yên Nhân là chủ quán hát cho nhân viên vào phòng hát để phục vụ rót bia và bấm bài nên anh Hưng bảo chị Trương Thị Nguyệt, sinh năm 2002 ở xóm 5, xã Nghĩa Minh, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An và chị Nguyễn Thị Anh (tên gọi khác là Ngọc), sinh năm 1998 ở thôn Lạc Thủy, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên lên phòng vip 4 tầng 3 để phục vụ. Đến khoảng 17 giờ anh Đức đi về trước, còn Đ cùng mọi người tiếp tục hát karaoke đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Đ cùng mọi người không hát nữa nên anh Huy và anh Tuấn đi xuống tầng 1 để thanh toán tiền hát, còn Đ, chị Nguyệt và chị Anh ở trong phòng hát. Lúc này chị Đặng Ngọc Huyền, sinh năm 1999 là con anh Hưng đi lên phòng hát kiểm đồ, sau đó chị Huyền đi xuống để thanh toán tiền hát cho anh Huy. Chị Ng cùng chị Anh dọn phòng hát, chị Ng có để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 plus vỏ máy màu đen xám, ốp điện thoại bằng nhựa màu đen có chữ LV và các biểu tượng hình cánh hoa trong ốp điện thoại chị Ng để 600.000đ ở chiếc ghế sofa trong phòng hát. Lợi dụng sơ hở Đ dùng tay phải lấy chiếc điện thoại nêu trên của chị Ng cho vào túi quần phía trước bên phải rồi đi xuống tầng 1, sau đó Đ đi ra ngã tư đoạn đường giao cắt giữa đường Văn Nhuế và đường Phó Đức Chính đợi anh Huy. Tại đây Đoàn đã lấy máy điện thoại ra rồi tắt nguồn điện thoại. Sau khi dọn phòng xong do không thấy điện thoại nên chị Ng và anh Hưng đã đi tìm Đ và yêu cầu Đ quay lại quán hát để hỏi về chiếc điện thoại của chị Ng nên trên đường quay lại quán hát Đ đã ném chiếc điện thoại vào gốc cây sấu ở vỉa hè rồi đi vào trong quán hát nhưng Đ không thừa nhận lấy trộm điện thoại của chị Ng rồi đi về. Do lo sợ nên Đ đã đến Công an phường Bàn Yên Nhân để đầu thú và khai nhận về việc lấy trộm chiếc điện thoại nêu trên của chị Ng. Tại Công an phường Bàn Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, Đ tự giao nộp số tiền 90.000đ, 01 chiếc ví giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu Masstel vỏ máy màu đen. Đồng thời Đoàn chỉ dẫn Công an phường B đến địa điểm Đ ném chiếc điện thoại, tại gốc cây sấu trên vỉa hè đường Phó Đức Chính cách quán hát karaoke Huyền Anh 30m. Cơ quan Công an đã quản lý được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 plus số Imei: 354435065459265 vỏ máy màu đen xám, ốp điện thoại bằng nhựa màu đen có chữ LV và các biểu tượng hình cánh hoa, trong ốp điện thoại có số tiền 600.000đ gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000đ.

Cùng ngày 26/9/2020 Công an phường Bàn Yên Nhân đã báo cáo vụ việc và chuyển hồ sơ, bàn giao đối tượng Đ cùng vật chứng nêu trên đến Công an thị xã Mỹ Hào để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra Công an thị xã M đã tiến hành cho Đ thực nghiệm điều tra hành vi Đ lấy trộm chiếc điện thoại của chị Ng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐ ngày 29/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: Trị giá thực tế của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 plus vỏ máy màu đen xám là 2.400.000 đồng, chiếc ốp điện thoại là 5.000 đồng.

Ngày 01/10/2020 chị Trương Thị Ng có đơn xin lại tài sản, cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M đã trả lại cho chị Ng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 plus số Imei: 354435065459265 vỏ máy màu đen xám, ốp điện thoại bằng nhựa màu đen có chữ LV và các biểu tượng hình cánh hoa và số tiền 600.000 đồng. Chị Ng nhận lại tài sản không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường.

Đối với số tiền 90.000đ, 01 chiếc ví giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ máy màu đen bên trong lắp 01 sim điện thoại, quá trình điều tra xác định là tài sản của Đ không liên quan đến việc phạm tội, Đ đề nghị xin lại tiền và các tài sản trên.

Quá trình điều tra Triệu Văn Đ đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 69/CT-VKSMH ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Triệu Văn Đ về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại khoản 1, điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt người bào chữa cho bị cáo là bà Vương Thị Thanh Nhân (*Bà nhân đã gửi bài bào chữa cho bị cáo*); Vắng mặt người bị hại; Vắng mặt người làm chứng

Bị cáo Đ và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vì những người vắng mặt tại phiên tòa đều đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Bị cáo Triệu Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M duy trì công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố bị cáo Đ và đề nghị với Hội đồng xét xử:

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

* Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; khoản 1 điều 38 của Bộ luật Hình sự.

* Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ tù từ 09 tháng đến 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/9/2020.

* Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Chị Trương Thị Ng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại bị cáo số tiền 90.000đ, 01 chiếc ví giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ máy màu đen bên trong lắp 01 sim điện thoại.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Đề nghị với Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao cho bị cáo được hưởng án treo và miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên điều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp khách quan với lời khai của người bị hại, của những người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ, đã có đủ căn cứ để kết luận: “*Khoảng 18 giờ ngày 26/09/2020 tại phòng vip 4 tầng 3 quán karaoke Huyền Anh thuộc tổ dân phố V, phường B, thị xã M. Triệu Văn Đ đã lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple loại Iphone 6 plus số Imei: 354435065459265 vỏ máy màu đen xám trị giá 2.400.000đ, 01 chiếc ốp điện thoại bằng nhựa màu đen có chữ LV và các biểu tượng hình cánh hoa trị giá 5000đ và số tiền 600.000đ để trong ốp điện thoại. Tổng trị giá*

tài sản là 3.005.000đ của chị Trương Thị Ng, sau đó Đ đến đầu thú tại Công an phường B, thị xã M’’. Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Triệu Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự là chính xác và đúng pháp luật.

[3] Bị cáo phạm tội độc lập, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình và lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Đối với quan điểm của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên buộc phải nhận thức được tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; Sau khi người bị hại phát hiện tài sản của mình bị mất và nói, bị cáo nghe thấy có người nói mất điện thoại nhưng không trả lại cho chủ sở hữu mà chủ động đi ra ngoài tắt chuông rồi tắt máy nhằm trốn tránh sự phát hiện của chủ tài sản; Khi chủ quán gọi bị cáo quay trở lại quán hát, bị cáo không thừa nhận mình đã chiếm đoạt tài sản và đã vứt, giấu chiếc điện thoại chiếm đoạt của người bị hại vào góc sấu nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản đến cùng. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của trợ giúp viên pháp lý đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo mà cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo sớm trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, lấy giáo dục riêng để phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị cáo đầu thú và gia đình thuộc hộ nghèo của địa phương. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản gì và là người dân tộc nên Hội đồng xét xử sẽ miễn không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại là chị Nguyệt, chị Nguyệt đã nhận được tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì nên hội đồng xét xử không đặt ra để xét.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với số tiền tiền 90.000đ, 01 chiếc ví giả da màu đen và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ máy màu đen bên trong lắp 01 sim điện thoại. Đây là những tài sản của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nay bị cáo đề nghị được nhận lại nên sẽ trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật hình sự.

* Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Đ phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”.

* Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đoàn 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/09/2020.

+ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bị cáo Triệu Văn Đ số tiền 90.000đ (*Chín mươi nghìn đồng*), 01 (*Một*) chiếc ví giả da màu đen và 01 (*Một*) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ máy màu đen bên trong lắp 01 (*Một*) sim điện thoại.

Tất cả theo quyết định chuyển vật chứng số 48/QĐ-VKSMH-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hòa.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Triệu Văn Đ phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, Tòa đã báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận:

- VKSND thị xã M;
- Cơ quan CSĐT-CA thị xã M;
- Cơ quan T.H.A HS-CA thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và T.H.A - Tòa án tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Dương